

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Y
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06 /2018/TCDS - ST
Ngày 14/6/2018.
“V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Y

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Lan.
2. Bà Nguyễn Ngọc Oanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Tô Kim Hiên – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y: Bà Phùng Thị Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2018/TLST- TCDS ngày 18/01/2018. Về việc : “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST- TCDS ngày 26/4/2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 16/2018/ ngày 28/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị M – sinh năm 1951.

Địa chỉ: Tổ 22, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Đồng bị đơn:

1. Chị Vũ Thị T - sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 06, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

2. Chị Vũ Thị Thúy H (Vũ Thúy H) – sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn S, xã V, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

3. Chị Vũ Bích T1 – sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 73, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

4. Chị Vũ Thị Thu C (T3) – sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu 1, xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ . Vắng mặt.

5. Chị Vũ Thị Trung T2 – sinh năm 1990.

ĐKNKTT: Tổ 22, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Quỹ tín dụng nhân dân H.

Địa chỉ: Tổ 50, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn N- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2018, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị M trình bày:

Năm 1989, bà Bùi Thị M kết hôn với ông Vũ Xuân M; Ông M có bốn con riêng là các chị Vũ Thị T, Vũ Thúy H (Vũ Thị Thúy H), Vũ Bích T1, Vũ Thị Thu C (Vũ Thị Thu T3); Bà M và ông M có một con chung là chị Vũ Thị Trung T2. Ngày 07/3/2017 ông M chết, không có di chúc; bố đẻ của ông M là cụ Vũ Văn M1, mẹ đẻ ông M là cụ Đỗ Thị T4 đều chết trước ông M.

Tài sản riêng của ông Vũ Xuân M không có.

Tài sản chung của bà Bùi Thị M và ông Vũ Xuân M gồm có:

Quyền sử dụng 145m² đất ở đô thị tại tổ 22, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: BL 130657 do UBND thành phố Y cấp ngày 21/3/2013 mang tên ông Vũ Xuân M và bà Bùi Thị M và tài sản gắn liền trên đất là 01 nhà xây cấp 4 đồ mái bằng+ bếp+ công trình phụ (nguồn gốc ông M, bà M mua năm 2013). Tổng giá trị tài sản là: 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*).

Về nợ chung:

Khi ông M còn sống, ông M và bà M có vay Quỹ tín dụng nhân dân H theo 03 hợp đồng tín dụng cụ thể:

- Ngày 14 tháng 01 năm 2015 ông M và bà M ký Hợp đồng tín dụng số: 065025/HĐTD với Quỹ tín dụng nhân dân H vay số tiền là; 162.000.000đồng; Thời hạn vay là 60 tháng; Lãi suất cho vay là 1,08%/ tháng. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay cùng loại.

- Ngày 08/7/2016 ông M, bà M ký hợp đồng tín dụng số 066330/HĐTD với Quỹ tín dụng nhân dân H vay số tiền là; 100.000.000đồng. Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất cho vay là 1%/ tháng. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay cùng loại.

- Ngày 02/12/2015 ông M, bà M ký hợp đồng tín dụng số 065665/HĐTD với Quỹ tín dụng nhân dân H vay số tiền là: 70.000.000đồng; Thời hạn vay 36 tháng . Lãi suất cho vay là 1,08%/ tháng. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay cùng loại.

Tổng số tiền tính đến ngày 14/6/2018 ông M và bà M còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân H theo 03 Hợp đồng tín dụng đã ký là 210.871.900đ (*Hai trăm mười triệu, tám trăm bảy mươi mốt nghìn, chín trăm nghìn đồng*).

Bà M xác định những người thừa kế của ông Vũ Xuân M gồm có: Bà Bùi Thị M, chị Vũ Thị T, chị Vũ Thị Thúy H (Vũ Thúy H), chị Vũ Bích T1, chị Vũ Thị Thu C (T5), chị Vũ Thị Trung T2.

Bà M có nguyện vọng xin được sử dụng nhà đất hiện đang ở vì không còn chỗ ở nào khác, đồng thời xin nhận trả đủ khoản nợ của Quỹ tín dụng nhân dân H. Trường hợp bà không trả được nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân H có quyền phát mại tài sản chung của bà M và ông M theo đúng cam kết của Hợp đồng thế chấp tài sản ông M, bà M đã ký với Quỹ tín dụng. Nếu di sản của ông M còn thừa sẽ chia đều cho những đồng thừa kế. Nếu còn thiếu để trả nợ bà M nhận trách nhiệm trả số nợ còn lại.

Các đồng bị đơn có ý kiến:

Các đồng bị đơn thống nhất về quan hệ nhân thân và di sản do ông M để lại như bà M trình bày là đúng.

- Bị đơn chị Vũ Bích T1 và chị Vũ Thị Trung T2 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, không nhận di sản thừa kế của ông M, không chịu trách nhiệm về khoản nợ của ông M.

- Chị Vũ Thị T, chị Vũ Thị Thúy H; Quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không lý do không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

- Chị Vũ Thị Thu C (T5) có ý kiến: Chị C không nhất trí với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Vũ Xuân M lý do nhà đất như bà M trình bày là tài sản của bà N1 (mẹ chị C - bà N1 chết năm 1987) và ông M để lại, là nơi thờ cúng ông M và tổ tiên các khoản nợ chung của ông M và bà M là do ông M, bà M vay cho chị T2 là con chung của ông M và bà M sử dụng. Ông M chết bà M có nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài tài sản như bà M trình bày ông M còn có tài sản riêng là 01 thửa đất đồi tại tổ 4, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái nhưng không có chứng cứ cụ thể để chứng minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân H và Nguyễn Thị N trình bày:

** Ngày 14 tháng 01 năm 2015 ông Vũ Xuân M và Bùi Thị M ký Hợp đồng tín dụng số: 065025/HĐTD với Quỹ tín dụng nhân dân H vay số tiền:*

Hạn mức là: 162.000.000đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng chẵn); Mục đích: Sửa chữa cửa hàng kinh doanh tạp hóa; Thời hạn cho vay là 60 tháng (Kể từ ngày 14/01/2015 đến ngày 14/01/2020; Lãi suất cho vay là 1,08%/ tháng. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay cùng loại.

Đảm bảo cho khoản vay: 01 sổ ưu đãi mang tên ông Vũ Xuân M; 01 phiếu lĩnh lương hưu và trợ cấp Bảo hiểm xã hội, mang tên bà Bùi Thị M. Tổng giá trị đảm bảo cho khoản vay là: 217.030.000đồng; trong đó tiền gốc 162.000.000đồng; Tiền lãi 55.030.000đồng.

(Theo hợp đồng cầm cố số 065025/HĐCC ngày 14/01/2015 được ký kết giữa Quỹ tín dụng H và ông Vũ Xuân M + bà Bùi Thị M).

** Ngày 8/7/2016 ông Vũ Xuân M và Bùi Thị M ký Hợp đồng tín dụng số 066330/HĐTD vay số tiền;*

Hạn mức vay: 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng); Mục đích sử dụng: Kinh doanh tạp hóa; Thời hạn vay 12 tháng (Từ ngày 08/7/2016 đến ngày 08/7/2017;

lãi suất cho vay theo thỏa thuận là 1,0%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay cùng loại.

Đảm bảo cho khoản vay:

Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL130657, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00309; thửa đất số 108, tờ bản đồ số: 38 –D –I-a, diện tích 145m²; mục đích đất ở đô thị do UBND thành phố Y cấp ngày 21/3/2013 mang tên ông Vũ Xuân M và bà Bùi Thị M (Hợp đồng thế chấp số 066330/HĐTC được ký ngày 07/7/2016 giữa Quỹ tín dụng nhân dân H, ông Vũ Xuân M, bà Bùi Thị M). Nghĩa vụ bảo đảm cho khoản vay là: Đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ (bao gồm gốc + lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh liên quan – nếu có) trong đó dư nợ (Hạn mức tín dụng) số tiền vay của Hợp đồng tín dụng do 2 bên ký kết là: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

* Ngày 02/12/2015 ông Vũ Xuân M và bà Bùi Thị M ký hợp đồng tín dụng số 065665/HĐTD: Vay số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*). Mục đích vay sửa nhà ở; Thời hạn vay 36 tháng (Từ ngày 02/12/2015 đến ngày 02/2/2018); lãi suất cho vay theo thỏa thuận là 1,08%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay cùng loại.

Tài sản đảm bảo phiếu lĩnh lương hưu và quyết định hưu trí số: 699885 của ông Vũ Xuân M.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng:

Bà M và ông M đã thực hiện đúng cam kết. Đến ngày 06/3/2017 ông M chết, bà M và những đồng thừa kế của ông M không trả nợ cho Quỹ tín dụng. Các hợp đồng tín dụng đã chuyển sang lãi xuất nợ quá hạn theo quy định. Tổng số tiền ông M, bà M còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân H theo 03 Hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 14/6/2018 là 210.871.900đ (*Hai trăm mười triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn, chín trăm đồng*) Trong đó nợ gốc là: 189.331.100đ (*Một trăm tám mươi chín triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, một trăm đồng*); nợ lãi quá hạn là 21.540.800đ (*Hai mươi một triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, tám trăm đồng*).

Nay bà M yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Vũ Xuân M, Quỹ tín dụng yêu cầu bà M và các đồng thừa kế của ông M phải thanh toán trả đủ nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân H theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký trên số nợ gốc thực tế, kể từ ngày Quỹ tín dụng nhân dân H khởi kiện cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bà M và các đồng thừa kế của ông Vũ Xuân M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng thì Quỹ tín dụng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án kê biên phát mãi tài sản mà ông Vũ Xuân M và bà Bùi Thị M đã thế chấp (Hợp đồng thế chấp số 066330/HĐTC được ký ngày 07/7/2016) được công chứng, chứng thực tại văn phòng công chứng Xuân Quyền ngày 07/7/2016, số công chứng 1558/2016 quyền số 01/TP/CC/SCC/HĐGD và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/04/2018 đối với tài sản thế chấp như sau:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành B1 135607; Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00393 do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 21/3/2013 mang tên ông Vũ Xuân M và bà Bùi Thị M. Thửa đất số 108, tờ bản đồ số 38 D-I-a, diện tích 145 m². Địa chỉ: Tổ 22, phường H, thành phố Y. Thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản ký ngày 07/7/2016 giữa Quỹ tín dụng nhân dân H và ông Vũ Xuân M, bà Bùi Thị M. Có các cạnh thửa (tứ cận) như sau:

- + Phía Bắc giáp hộ ông D.
- + Phía Nam giáp đường xóm
- + Phía Đông giáp hộ bà M.
- + Phía Tây giáp hộ ông T.

Về hiện trạng tài sản có trên đất thế chấp gồm có:

+ 01 nhà xây đổ mái bằng 01 tầng diện tích 36,58m²; 01 tum diện tích 17,11m²; bếp + công trình phụ 23,49m²; sân lát xi măng 36,69m²; diện tích mái che lợp Proxi măng 18,4m²; diện tích lát nền nhà gạch 40x40 là 49,4m²; diện tích lát nền gạch 30x30 là 7,8m²; diện tích gạch ốp tường 40x25 là 17,412m²; diện tích lát bậc cầu thang gạch 30x30 là 16,19m², diện tích ốp trần nhựa 16,85m²; diện tích ốp tường nhà 40x40 là 11,25m²; 01 bình nóng lạnh, 01 gương soi, 01 xí bệt, 01 chậu nhà vệ sinh.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản ngày 27/4/2018:

- Giá trị thửa đất số 108, diện tích 145m² đất ở đô thị tại tổ 22, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là 87.000.000đ(*Tám mươi bảy triệu đồng*).

- Giá trị nhà xây 01 tầng + 01 tum đổ mái bằng + gạch lát nền, ốp tường, công trình phụ trợ bếp nhà vệ sinh là: 118.495.000đ (*Một trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

Tổng giá trị các loại tài sản là: 205.495.000đ(*Hai trăm linh năm triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y tham gia phát biểu tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục, giải quyết vụ án theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị M về việc chia di sản thừa kế của ông Vũ Xuân M.

- Chấp nhận yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân H.

Giao cho bà Bùi Thị M được sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của bà Bùi Thị M và ông Vũ Xuân M trong đó có ½ trị giá là di sản của ông M để lại.

Buộc bà M phải trả Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền bà M và ông M còn nợ theo theo các Hợp đồng tín dụng đã ký với quỹ tín dụng nhân dân H.

Sau khi thanh toán các khoản nợ nếu tài sản là di sản của ông M còn thì giải quyết phân chia di sản bằng giá trị cho các diện thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Tòa án nhân dân thành phố Y đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn chị T, chị H, chị T1, chị C, chị T2 đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] .Về nội dung:

Ông Vũ Xuân M mất ngày 07/3/2017, không có di chúc nên di sản của ông M được chia theo pháp luật; đơn khởi kiện chia thừa kế của bà Bùi Thị M trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự.

Xác định người thừa kế theo pháp luật của ông Vũ Xuân M theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự gồm: Bà Bùi Thị M (vợ ông M) các con đẻ của ông M gồm chị Vũ Thị T, chị Vũ Thị Thúy H (Vũ Thúy H), chị Vũ Bích T1, chị Vũ Thị C, chị Vũ Thị Trung T2.

Đối với chị Vũ Bích T1, chị Vũ Thị Trung T2 có đơn xin không được hưởng di sản của ông M nên không xét.

Đối với chị Vũ Thị T, Vũ Thúy H (Vũ Thị Thúy H), chị Vũ Thị C, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị T, chị H, chị Chung không có ý kiến, không đến Tòa án để giải quyết vụ án, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Về tài sản (là di sản của ông Vũ Xuân M)

-Về tài sản riêng của ông Vũ Xuân M.

Tài sản riêng của ông M để lại mà bị đơn chị Vũ Thị Thu C nêu ra. Do bà M không công nhận nên xác định ông M không có tài sản này. Mặt khác, chị Chung không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

-Về tài sản chung của ông Vũ Xuân M và bà Bùi Thị M gồm có:

Thửa đất số 108 tại tổ 22, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00393 do UBND thành phố Y cấp ngày 21/3/2013 mang tên ông Vũ Xuân M và bà Bùi Thị M có trị giá 87.000.000đ (Tám mươi bảy triệu đồng). Tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 nhà xây 01 tầng + 01 tum đổ mái bằng + công trình phụ trợ gồm bếp, nhà vệ sinh. trị giá

118.495.000đồng. Tổng giá tài sản chung của ông M, bà M là: 205.495.000đ (Hai trăm linh năm triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

-Về nợ chung của ông M và bà M.

Quỹ tín dụng nhân dân H và bà M thống nhất công nhận: Ông M, bà M còn nợ Quỹ tín dụng theo 03 hợp đồng tín dụng; Hợp đồng 065025 ký ngày 14/01/2015; Hợp đồng số 065665 ký ngày 02/12/2015; Hợp đồng số 066330 ký ngày 08/7/2016. Tổng số tiền nợ tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 14/6/2018 là 210.871.900đ (Hai trăm mười triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn chín trăm đồng).

Như vậy, di sản của ông Vũ Xuân M để lại là trị giá $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung với bà Bùi Thị M (gồm Quyền sử dụng đất tại thửa số 108 tại tổ 22, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái + tài sản gắn liền trên đất trị giá là: $205.495.000 : 2 = 102.747.500đ$ (Một trăm linh hai triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, năm trăm đồng) cùng với $\frac{1}{2}$ số nợ chung của vợ chồng tại Quỹ tín dụng nhân dân H là: $210.871.900 : 2 = 105.436.000đ$ (Một trăm linh năm triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Như vậy, nếu thanh toán số nợ do người chết để lại từ di sản thừa kế vẫn còn thiếu để trả nợ Quỹ tín dụng nhân dân H là: 2.688.500đ (Hai triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng). Phần thiếu này bà M tự nguyện nhận trả nợ thay các đồng thừa kế, Quỹ tín dụng nhân dân H cũng nhất trí nên cần công nhận.

Xét tổng giá trị tài sản chung của ông M, bà M. Trong đó, có $\frac{1}{2}$ trị giá là di sản của ông M nên giao cho bà M sử dụng và trả các khoản nợ.

Đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của Quỹ tín dụng nhân dân H đối với tài sản đã thế chấp: (Hợp đồng thế chấp số 066330/HĐTC được ký ngày 07/7/2016 giữa Quỹ tín dụng nhân dân H, ông Vũ Xuân M, bà Bùi Thị M). Trường hợp bà M không thanh toán trả nợ thì Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại các tài sản sau: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành B1 135607; Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00393 do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 21/3/2013 mang tên ông Vũ Xuân M và bà Bùi Thị M. Thửa đất số 108, tờ bản đồ số 38 D-I-a, diện tích 145 m². Địa chỉ: Tổ 22, phường H, thành phố Y. Và toàn bộ tài sản hiện có trên đất 01 nhà xây 01 tầng + 01 tum đồ mái bằng + công trình phụ trợ gồm bếp, nhà vệ sinh để thu hồi nợ.

Do phải thanh toán các khoản nợ nên di sản của ông M không còn để chia cho những người thừa kế.

[4]. Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí thẩm định, định giá là 5.495.000đ (Năm triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng), nguyên đơn bà Bùi Thị M tự nguyện nhận chịu nên cần công nhận.

Về án phí:

- Bà M, chị Thẩm, chị Hồng, chị Thủy, chị Vũ Thị Chung (Trung), chị Thu không phải chịu án phí đối với việc chia thừa kế - do không còn tài sản để hưởng.

- Bà Bùi Thị M phải chịu án phí đối với khoản nợ phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân H là: $205.495.000đ \times 5\% = 10.275.000đ$.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 299; 301; 306 ; 325; 463; 466; 609; 611; 612; 613; 614; 615; 623; 649; 650; 651; 658 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về “Án phí lệ phí Tòa án”.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị M về việc chia di sản thừa kế của ông Vũ Xuân M.

2. Giao cho bà Bùi Thị M được sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của bà Bùi Thị M và ông Vũ Xuân M trong đó có $\frac{1}{2}$ trị giá là di sản của ông M để lại gồm: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành B1 130657; Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00393 do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 21/3/2013 mang tên ông Vũ Xuân M và bà Bùi Thị M. Thửa đất số 108, tờ bản đồ số 38 D-I- a, diện tích 145 m². Địa chỉ: Tổ 22, phường H, thành phố Y. Và toàn bộ tài sản hiện có trên đất gồm gồm 01 nhà xây 01 tầng + 01 tum đồ mái bằng + công trình phụ trợ gồm bếp, nhà vệ sinh. Tổng trị giá là: 205.495.000đ (Hai trăm linh năm triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân H.

Buộc bà M phải trả Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền bà M và ông Mạnh còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 065025 ngày 14/01/2015 ; Hợp đồng tín dụng 066330 ngày 08/7/2016 và Hợp đồng tín dụng số 065665/HĐTD ngày 02/12/2017 tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 14/6/2018 là 210.871.900đ (Hai trăm mười triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn, chín trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm bà M phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng cho vay thì lãi suất bà M phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng cho vay.

Trường hợp bà M, không thanh toán trả nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân H có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án, kê biên phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành B1 130657, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00393 do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 21/3/2013 mang tên ông Vũ Xuân M và bà Bùi Thị M. Thửa đất số 108, tờ bản đồ số 38 D-I-a, diện tích 145 m². Địa chỉ: Tổ 22, phường H, thành phố Y. Và

toàn bộ tài sản hiện có trên đất gồm 01 nhà xây 01 tầng + 01 tum đổ mái bằng + công trình phụ trợ gồm bếp, nhà vệ sinh để thu hồi nợ.

4. Về chi phí tố tụng, án phí:

- *Về chi phí tố tụng*: Bà Bùi Thị M phải chịu chi phí thẩm định, định giá 5.495.000đ (*Năm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) (Xác nhận bà M đã nộp đủ).

- *Về án phí*:

Bà Bùi Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với các khoản nợ Quỹ tín dụng nhân dân H là: 10.275.000đ (*Mười triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.750.000đ (*Một triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn đồng*) mà bà Bùi Thị M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000368 ngày 18/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Bà M còn phải nộp 8.525.000đ (*Tám triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Quỹ tín dụng nhân dân H được trả lại số tiền tạm ứng án phí 5.138.500 đ (*Năm triệu, một trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án thành phố Y, tỉnh Yên Bái. (Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001556 ngày 09/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y, tỉnh Yên Bái).

Án xử sơ thẩm công khai Quỹ tín dụng nhân dân H và bà Bùi Thị M, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Vũ Thị T, chị Vũ Thúy H (Vũ Thị Thúy H), chị Vũ Bích T1, chị Vũ Thị Thu C, chị Vũ Thị Trung T2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái,
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y.
- Thi hành án dân sự thành phố Y.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.TA

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký*)

Nguyễn Thị Kim Tuyền

